

Bản án số: 82/2024/DS-ST
Ngày: 27-8-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Tha
- Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thu Y, sinh năm 1937;

Nơi cư trú: Thôn Tân Khánh 1, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H;

Nơi cư trú: Thôn Tân Khánh 2, xã S, thị xã N, Khánh Hòa; ông L, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 24/10/2020, bà có cho vợ chồng ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H trú tại thôn Tân Khánh 2, xã S, thị xã N vay số tiền 25.000.000 đồng để làm ăn. Hai bên có lập văn bản mượn tiền. Trong văn bản mượn tiền không thể hiện lãi suất và thời gian trả nợ mà các bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Tuy nhiên, từ thời điểm vay cho đến nay, bà đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu vợ chồng ông L, bà H trả nợ cho bà nhưng ông L, bà H hứa hẹn nhiều lần không trả. Ngày 04/3/2024, bà có làm thông báo gửi đến vợ chồng ông L, bà H yêu cầu trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày 04/3/2024 đến hết ngày 19/3/2024) phải

hoàn trả cho bà số tiền nợ 25.000.000đ nói trên. Tuy nhiên, đến khi hết thời hạn vợ chồng ông L, bà H vẫn không liên hệ với bà để thực hiện việc trả nợ.

Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh L, bà Lê Thị Ngọc H phải trả một lần số tiền còn nợ là 25.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ đối với bị đơn ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H nhưng ông L, bà H cố tình trốn tránh, không có mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thu Y nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H phải trả cho bà Y số tiền gốc 25.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 07/8/2024, nguyên đơn bà Bùi Thị Thu Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bùi Thị Thu Y khởi kiện yêu cầu ông L, bà H phải trả số tiền 25.000.000đ tại Tòa án làm phát sinh quan hệ tranh chấp dân sự. Ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H có nơi cư trú tại: Thôn Tân Khánh 2, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, khi xảy ra tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 24/10/2020, bà Y có cho vợ chồng ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H vay số tiền 25.000.000 đồng để làm ăn. Hai bên có lập văn bản vay tiền không thể hiện lãi suất và thời gian trả nợ. Ngày 04/3/2024, bà Y có làm thông báo gửi đến vợ chồng ông L, bà H yêu cầu trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày 04/3/2024 đến hết ngày 19/3/2024) phải hoàn trả cho bà số tiền nợ 25.000.000đ nói trên. Quá thời hạn nói trên vợ chồng ông L, bà H vẫn không liên hệ với bà Y để thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, bà Y yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc ông Trần Minh L, bà Lê Thị Ngọc H phải trả một lần số tiền còn nợ là 25.000.000đ và không yêu cầu trả lãi.

Xét hợp đồng vay tài sản ngày 24/10/2020 thể hiện nội dung “...đi ba...” không xác định rõ người cho vay tiền là bà Bùi Thị Thu Y. Tuy nhiên theo “*Đơn xác nhận tên thường gọi đề ngày 27/8/2024*” được Ủy ban nhân dân xã S, thị xã N xác nhận tên thường gọi của bà Bùi Thị Thu Y là “bà Ba” nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Bùi Thị Thu Y là người cho vợ chồng ông L, bà H vay tiền.

Xét Hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa bà Bùi Thị Thu Y và ông Trần Minh L, bà Lê Thị Ngọc H trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa các bên cơ bản phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, không lãi suất. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Y có thông báo về thời hạn trả nợ đối với bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện. Việc bị đơn cố tình không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm các thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 25.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu Y được chấp nhận, vì vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 217; Điều 244; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu Y. Buộc bị đơn ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H phải trả cho bà Bùi Thị Thu Y số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

2. Về án phí: Ông Trần Minh L và bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi

hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Thịnh